

Số: *165* /2018/TT-BQP

Hà Nội, ngày *01* tháng *12* năm 2018

THÔNG TƯ

**Quy định về tổ chức và hoạt động của Hội đồng quân nhân
trong Quân đội nhân dân Việt Nam**

Căn cứ Nghị định số 04/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 01 năm 2015 của Chính phủ về thực hiện dân chủ trong hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị định số 164/2017/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Quốc phòng;

Theo đề nghị của Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị;

Bộ trưởng Bộ Quốc phòng ban hành Thông tư quy định về tổ chức và hoạt động của Hội đồng quân nhân trong Quân đội nhân dân Việt Nam,

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định về tổ chức, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, mối quan hệ công tác và hoạt động của Hội đồng quân nhân ở các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Quốc phòng.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với Hội đồng quân nhân và tổ chức, cá nhân có liên quan đến tổ chức, hoạt động của Hội đồng quân nhân.

Điều 3. Hội đồng quân nhân

Hội đồng quân nhân là tổ chức đại diện cho quân nhân, công chức, công nhân quốc phòng, viên chức quốc phòng; được thành lập ở cơ quan, đơn vị; do đại hội quân nhân bầu ra để thực hiện phát huy dân chủ về quân sự - chuyên môn, chính trị, kinh tế - đời sống ở cơ quan, đơn vị.

Điều 4. Nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Hội đồng quân nhân

1. Hội đồng quân nhân tổ chức theo nguyên tắc tập trung dân chủ, được đại hội quân nhân bầu bằng hình thức bỏ phiếu kín; nội dung, chương trình hoạt động, quyết định của Hội đồng quân nhân được dân chủ thảo luận và biểu quyết theo đa số. Hội đồng quân nhân ban hành quy chế làm việc, phân công các ủy viên đảm nhiệm từng mặt công tác.

2. Tổ chức và hoạt động của Hội đồng quân nhân đặt dưới sự lãnh đạo của cấp uỷ, chi bộ; sự chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra của bí thư cấp uỷ (chi bộ), người chỉ huy, chính uỷ, chính trị viên và cơ quan chính trị các cấp.

3. Đối với cơ quan, đơn vị mới thành lập hoặc lâm thời thành lập thời gian trên 12 tháng thì cấp uỷ, chi bộ chỉ định Hội đồng quân nhân để tổ chức hoạt động; trong thời hạn 3 tháng phải tiến hành đại hội quân nhân để bầu Hội đồng quân nhân mới. Với những đơn vị có thời gian hoạt động dưới 12 tháng thì cấp uỷ, chi bộ chỉ định thành lập lâm thời Hội đồng quân nhân và tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

Chương II

TỔ CHỨC HỘI ĐỒNG QUÂN NHÂN

Điều 5. Tổ chức Hội đồng quân nhân

1. Hội đồng quân nhân được thành lập ở các cơ quan, đơn vị.

a) Đại đội; tiểu đoàn bộ; đồn biên phòng; đội cảnh sát biển; hải đội biên phòng; tiểu khu biên phòng; trạm cảnh sát biển; tiểu đoàn tên lửa phòng không; phi đội không quân; khối cơ quan lữ đoàn, trung đoàn, đoàn cảnh sát biển, ban chỉ huy quân sự huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh và đơn vị tương đương.

b) Cấp phòng của cơ quan sư đoàn, bộ tư lệnh vùng (Hải quân và Cảnh sát biển), bộ chỉ huy quân sự, bộ chỉ huy bộ đội biên phòng tỉnh, thành phố và đơn vị tương đương; khối cơ quan sư đoàn khung thường trực; trung đoàn khung thường trực và đơn vị tương đương.

c) Cấp cục và tương đương.

d) Lớp học, đại đội học viên, khoa, ban, phòng và tương đương của học viện, nhà trường, trung tâm, viện nghiên cứu, bệnh viện.

đ) Các tổng kho, kho, trạm, xưởng, khối cơ quan doanh nghiệp trực thuộc Bộ Quốc phòng.

e) Cơ quan, đơn vị còn lại, căn cứ vào tổ chức biên chế, nhiệm vụ và tính chất hoạt động của từng đơn vị để thành lập Hội đồng quân nhân (có thể thành lập ghép) cho phù hợp theo quy định tại các điểm a, b, Khoản này.

2. Cơ quan, đơn vị không thành lập Hội đồng quân nhân.

a) Cơ quan, đơn vị có quân số dưới 10 người.

b) Các đơn vị sự nghiệp công lập ở cơ sở.

Điều 6. Thành phần, tiêu chuẩn, số lượng uỷ viên Hội đồng quân nhân

1. Thành phần Hội đồng quân nhân.

Sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, hạ sĩ quan, binh sĩ, công chức, công nhân quốc phòng, viên chức quốc phòng trong cơ quan, đơn vị có đủ tiêu chuẩn đều có thể tham gia ứng cử uỷ viên Hội đồng quân nhân.

2. Tiêu chuẩn ủy viên Hội đồng quân nhân.

a) Có phẩm chất chính trị vững vàng, đạo đức tốt, có tinh thần trách nhiệm và tính chiến đấu cao, có tác phong sâu sát được quần chúng tín nhiệm, có năng lực tổ chức thực hiện nhiệm vụ được phân công.

b) Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng quân nhân phải nắm chắc các hoạt động của cơ quan, đơn vị, nhiệm vụ, quyền hạn, phương thức hoạt động của Hội đồng quân nhân và có năng lực tổ chức thực hiện dân chủ trong cơ quan, đơn vị.

3. Số lượng ủy viên Hội đồng quân nhân.

a) Cơ quan, đơn vị có quân số 60 người trở xuống bầu từ 03 đến 05 ủy viên; trên 60 người bầu không quá 09 ủy viên.

b) Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng quân nhân do đại hội quân nhân bầu trong số ủy viên bằng hình thức bỏ phiếu kín. Không cơ cấu Chủ tịch Hội đồng quân nhân là cấp trưởng hoặc bí thư cấp ủy.

4. Bổ sung và miễn nhiệm ủy viên Hội đồng quân nhân.

a) Việc bổ sung ủy viên Hội đồng quân nhân do Hội đồng quân nhân đề nghị cấp ủy, chỉ bộ quyết định; trường hợp đặc biệt do cấp ủy, chỉ bộ chỉ định.

b) Nếu ủy viên Hội đồng quân nhân vi phạm pháp luật; vi phạm kỷ luật quân đội phải xử lý, uy tín thấp thì Hội đồng quân nhân đề nghị cấp ủy miễn nhiệm và đề xuất nhân sự thay thế hoặc tổ chức hội nghị quân nhân bầu bổ sung.

Chương III

CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN VÀ MỐI QUAN HỆ CÔNG TÁC CỦA HỘI ĐỒNG QUÂN NHÂN

Điều 7. Chức năng của Hội đồng quân nhân

Hội đồng quân nhân căn cứ vào nghị quyết của cấp ủy, chỉ bộ, kế hoạch tổ chức thực hiện nhiệm vụ của người chỉ huy, chính ủy, chính trị viên (bí thư); tình hình nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị để hướng dẫn và tổ chức cho quân nhân, công chức, công nhân quốc phòng, viên chức quốc phòng thực hiện và phát huy dân chủ trên các mặt quân sự - chuyên môn, chính trị, kinh tế - đời sống.

Điều 8. Nhiệm vụ của Hội đồng quân nhân

1. Tuyên truyền, vận động quân nhân, công chức, công nhân quốc phòng, viên chức quốc phòng thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, điều lệnh, điều lệ, quy định, nhiệm vụ của Quân đội và đơn vị.

2. Xây dựng mối đoàn kết, thống nhất trong cơ quan, đơn vị, phát huy vai trò của quân nhân, công chức, công nhân quốc phòng, viên chức quốc phòng thực hiện dân chủ về quân sự - chuyên môn, chính trị, kinh tế - đời sống.

3. Đại diện bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng và tham gia tư vấn tâm lý, tư vấn pháp luật cho quân nhân, công chức, công nhân quốc phòng, viên chức quốc phòng trong cơ quan, đơn vị.

4. Tham gia góp ý xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên, tổ chức đảng trong sạch vững mạnh, cơ quan, đơn vị vững mạnh toàn diện.

5. Tham gia giám sát và phản biện xã hội theo phạm vi, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn.

6. Tiếp nhận, tổng hợp ý kiến kiến nghị, phản ánh của quân nhân, công chức, công nhân quốc phòng, viên chức quốc phòng trong cơ quan, đơn vị báo cáo với bí thư cấp ủy (chi bộ), người chỉ huy, chính ủy, chính trị viên.

7. Báo cáo bí thư cấp ủy (chi bộ), người chỉ huy, chính ủy, chính trị viên cơ quan, đơn vị về tình hình tổ chức và kết quả hoạt động của Hội đồng quân nhân.

Điều 9. Quyền hạn của Hội đồng quân nhân

1. Hội đồng quân nhân được bí thư cấp ủy (chi bộ), người chỉ huy, chính ủy, chính trị viên ở cơ quan, đơn vị thông báo tình hình, nhiệm vụ chính trị, chủ trương lãnh đạo, kế hoạch và biện pháp tổ chức thực hiện hằng tháng, quý, năm; phổ biến về thời sự, chính sách, pháp luật, các chế độ, tiêu chuẩn và những quy định có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ, trách nhiệm của quân nhân, công chức, công nhân quốc phòng, viên chức quốc phòng.

2. Tham gia ý kiến vào việc thực hiện nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị; giám sát, phản biện xã hội những vấn đề có liên quan đến tổ chức, hoạt động của Hội đồng quân nhân, quyền lợi, nghĩa vụ, trách nhiệm của quân nhân, công chức, công nhân quốc phòng, viên chức quốc phòng; tham gia giám sát cấp ủy, người đứng đầu, cán bộ chủ chốt, cán bộ, đảng viên về tu dưỡng, rèn luyện đạo đức, lối sống; góp ý đối với cấp ủy, tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên.

3. Tham gia bình xét khen thưởng, kỷ luật trong cơ quan, đơn vị.

4. Chủ tịch Hội đồng quân nhân có trách nhiệm báo cáo xin ý kiến bí thư cấp ủy (chi bộ), người chỉ huy, chính ủy, chính trị viên nội dung, thời gian sinh hoạt Hội đồng quân nhân, tập thể quân nhân và thông báo, quán triệt cho Hội đồng quân nhân và tập thể quân nhân để tổ chức thực hiện.

Điều 10. Mối quan hệ công tác của Hội đồng quân nhân

1. Quan hệ với cấp ủy, bí thư cấp ủy, người chỉ huy, chính ủy, chính trị viên là quan hệ phục tùng sự lãnh đạo, chỉ đạo, chỉ huy về tổ chức, hoạt động của Hội đồng quân nhân.

a) Hội đồng quân nhân phục tùng sự lãnh đạo của cấp ủy, chi bộ và sự chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra của bí thư cấp ủy (chi bộ), người chỉ huy, chính ủy, chính trị viên.

b) Hội đồng quân nhân báo cáo, xin ý kiến của bí thư cấp ủy (chi bộ), người chỉ huy, chính ủy, chính trị viên trực tiếp về các chương trình hành động,

kế hoạch hoạt động theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn đã được quy định.

c) Bí thư cấp ủy (chi bộ), người chỉ huy, chính uỷ, chính trị viên có trách nhiệm chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra và bồi dưỡng nội dung, hình thức, biện pháp hoạt động cho Hội đồng quân nhân; tôn trọng, lắng nghe, tiếp thu, trả lời, giải quyết những kiến nghị của Hội đồng quân nhân; đảm bảo thời gian, kinh phí để Hội đồng quân nhân hoạt động.

2. Quan hệ với cơ quan chính trị là mối quan hệ chịu sự hướng dẫn, kiểm tra về tổ chức và hoạt động của Hội đồng quân nhân.

a) Hội đồng quân nhân chịu sự hướng dẫn về chuyên môn của cơ quan chính trị. Nơi không có cơ quan chính trị thì chịu sự hướng dẫn của bí thư cấp ủy (chi bộ) hoặc cơ quan chính trị cấp trên.

b) Cơ quan chính trị có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra Hội đồng quân nhân hoạt động theo nhiệm vụ, quyền hạn, nội dung, phương pháp, chế độ sinh hoạt đã được quy định. Thường xuyên bồi dưỡng, rút kinh nghiệm, nâng cao hiệu quả tổ chức và hoạt động của Hội đồng quân nhân.

3. Quan hệ với ban chấp hành các tổ chức quần chúng cùng cấp là quan hệ phối hợp hoạt động.

Hội đồng quân nhân phối hợp với ban chấp hành các tổ chức quần chúng trong cơ quan, đơn vị thực hiện dân chủ về quân sự - chuyên môn, chính trị, kinh tế - đời sống theo quy định tại Thông tư này.

Chương IV

NỘI DUNG, BIỆN PHÁP THỰC HIỆN DÂN CHỦ CỦA HỘI ĐỒNG QUÂN NHÂN

Mục 1

NỘI DUNG DÂN CHỦ

Điều 11. Thực hiện dân chủ về quân sự - chuyên môn

Quân nhân, công chức, công nhân quốc phòng, viên chức quốc phòng được:

1. Phổ biến, quán triệt nhiệm vụ chính trị; chỉ lệnh, kế hoạch huấn luyện, sẵn sàng chiến đấu, chiến đấu, giáo dục chính trị; các quy định, quy tắc, điều lệnh, điều lệ chuyên môn.

2. Tham gia giám sát, góp ý về thực hiện nhiệm vụ của người chủ trì, chỉ huy cơ quan, đơn vị và quân nhân (trừ các nội dung thuộc về bí mật Nhà nước).

Điều 12. Thực hiện dân chủ về chính trị

Quân nhân, công chức, công nhân quốc phòng, viên chức quốc phòng được:

1. Phổ biến, quán triệt và chấp hành các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước, nghị quyết, chỉ thị của các cấp uỷ đảng; các kế hoạch xây dựng tổ chức đảng, chỉ huy và các tổ chức quần chúng của cơ quan, đơn vị.

2. Tham gia góp ý vào các chủ trương, biện pháp lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ chính trị và xây dựng chi bộ, đảng bộ; góp ý và tham gia giám sát cấp ủy, tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên về tu dưỡng, rèn luyện đạo đức, lối sống.

3. Tham gia bình xét khen thưởng, kỷ luật.

4. Thực hiện phản biện xã hội những văn bản dự thảo có liên quan đến tổ chức, hoạt động của Hội đồng quân nhân và quyền lợi, nghĩa vụ, trách nhiệm của quân nhân, công chức, công nhân quốc phòng, viên chức quốc phòng.

5. Được đề đạt tâm tư, nguyện vọng chính đáng của cá nhân; được tôn trọng và thực hiện các quyền công dân theo quy định của pháp luật.

Điều 13. Thực hiện dân chủ về kinh tế - đời sống

Quân nhân, công chức, công nhân quốc phòng, viên chức quốc phòng được:

1. Phổ biến, quán triệt về chủ trương, biện pháp tổ chức thực hiện tăng gia sản xuất.

2. Thông báo công khai về tài chính bảo đảm cho đời sống vật chất, tinh thần của cơ quan, đơn vị; các quyền lợi, nghĩa vụ, chế độ tiêu chuẩn theo quy định của Nhà nước, Quân đội; việc lập, quản lý, sử dụng quỹ vốn từ tăng gia, sản xuất, làm kinh tế, dịch vụ; những khoản thu cho các phong trào, cuộc vận động của cơ quan, đơn vị và địa phương theo quy định của Bộ Quốc phòng.

Mục 2

BIỆN PHÁP THỰC HIỆN DÂN CHỦ

Điều 14. Biện pháp chung để thực hiện các nội dung dân chủ

1. Hội đồng quân nhân phối hợp với các tổ chức quân chúng đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động quân nhân, công chức, công nhân quốc phòng, viên chức quốc phòng thực hiện tốt đường lối, chủ trương của Đảng; chính sách, pháp luật của Nhà nước; các cuộc vận động do Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội phát động; nhiệm vụ chính trị, điều lệnh, điều lệ của Quân đội; nghị quyết của cấp ủy và kế hoạch, chỉ thị, mệnh lệnh, chế độ, quy định của người chỉ huy; phát huy dân chủ, thực hiện đầy đủ quyền lợi và nghĩa vụ tham gia xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên, tổ chức đảng trong sạch vững mạnh, cơ quan, đơn vị vững mạnh toàn diện.

2. Cấp ủy, chi bộ lãnh đạo thực hiện có hiệu quả quy chế dân chủ cơ sở; cán bộ chủ trì các cơ quan, đơn vị thực hiện nghiêm túc các quy định của Đảng, Nhà nước và Quân ủy Trung ương - Bộ Quốc phòng về công khai, đối thoại, tiếp công dân, giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo; chỉ đạo Hội đồng quân nhân tham gia các hoạt động giám sát, phản biện xã hội và góp ý xây dựng tổ chức Đảng, xây dựng cơ quan, đơn vị.

3. Bí thư cấp ủy (chi bộ), người chỉ huy, chính uỷ, chính trị viên cơ quan, đơn vị có trách nhiệm chỉ đạo, hướng dẫn Hội đồng quân nhân triệu tập hội nghị

tập thể quân nhân dân chủ thảo luận góp ý, bàn biện pháp tổ chức thực hiện về quân sự - chuyên môn, chính trị và kinh tế - đời sống.

4. Cơ quan chính trị hướng dẫn Hội đồng quân nhân phối hợp với các tổ chức quần chúng thực hiện hoạt động tuyên truyền, vận động, góp ý, giám sát, phản biện những vấn đề trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn.

5. Thực hiện nghiêm chế độ sinh hoạt đối thoại, hòm thư góp ý và công khai số điện thoại của cán bộ chủ trì cơ quan, đơn vị để tiếp nhận thông tin phản ánh của quân nhân, công chức, công nhân quốc phòng, viên chức quốc phòng.

Điều 15. Tiếp nhận, tổng hợp ý kiến, kiến nghị của quân nhân, công chức, công nhân quốc phòng, viên chức quốc phòng

1. Quân nhân, công chức, công nhân quốc phòng, viên chức quốc phòng tham gia góp ý, kiến nghị, phản ánh tại hội nghị tập thể quân nhân hoặc bằng văn bản, thư tín, điện thoại gửi đến Hội đồng quân nhân và chỉ huy đơn vị.

2. Các cơ quan, đơn vị cấp đại đội, tiểu đoàn và tương đương trở lên lập hòm thư góp ý, đặt ở nơi thuận tiện và công khai (hoặc hòm thư điện tử) để mọi người phản ánh với cấp uỷ, cán bộ chủ trì ở cơ quan, đơn vị và cấp trên những biểu hiện vi phạm dân chủ, những vấn đề cần góp ý, kiến nghị, phản ánh. Hòm thư góp ý do Hội đồng quân nhân quản lý.

3. Hằng tuần Hội đồng quân nhân phối hợp với ban chấp hành các tổ chức quần chúng cùng cấp tổng hợp ý kiến, kiến nghị, phản ánh về thực hiện dân chủ trong cơ quan, đơn vị, quyền lợi, nghĩa vụ hợp pháp, chính đáng của quân nhân, công chức, công nhân quốc phòng, viên chức quốc phòng để báo cáo với bí thư cấp uỷ (chi bộ), người chỉ huy, chính uỷ, chính trị viên.

4. Trong thời hạn 07 ngày làm việc (15 ngày làm việc đối với những việc có nội dung phức tạp), bí thư cấp uỷ (chi bộ), người chỉ huy, chính uỷ, chính trị viên cơ quan, đơn vị có trách nhiệm trả lời hoặc thông báo bằng văn bản (với những vấn đề thuộc thẩm quyền cấp trên) kết quả giải quyết ý kiến, kiến nghị của tập thể quân nhân.

Điều 16. Hoạt động giám sát

1. Hoạt động giám sát của Hội đồng quân nhân mang tính nhân dân nhằm kịp thời phát hiện những sai sót, khuyết điểm để kiến nghị sửa chữa, khắc phục, đồng thời phát hiện, nhân rộng nhân tố mới, tích cực góp phần xây dựng tổ chức đảng trong sạch vững mạnh, xây dựng cơ quan, đơn vị vững mạnh toàn diện. Đối tượng giám sát là tổ chức đảng, người chỉ huy, người đứng đầu, cán bộ chủ chốt, đảng viên. Nội dung giám sát việc thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, nghị quyết của tổ chức đảng (trừ các nội dung thuộc về bí mật Nhà nước), điều lệnh, điều lệ, các chế độ, quy định của Quân đội và trong tu dưỡng, rèn luyện đạo đức, lối sống.

2. Hội đồng quân nhân thường xuyên theo dõi, tiếp thu ý kiến thông qua đơn thư, phản ánh, kiến nghị, khiếu nại, tố cáo của quân nhân, công chức, công

nhân quốc phòng, viên chức quốc phòng để nghiên cứu, xem xét các vấn đề liên quan; trong trường hợp phát hiện có dấu hiệu sai phạm hoặc xâm phạm đến quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của quân nhân, công chức, công nhân quốc phòng, viên chức quốc phòng thì kiến nghị đến cá nhân, cơ quan, tổ chức có thẩm quyền xem xét, giải quyết, sửa đổi, bổ sung hoặc đình chỉ thi hành.

3. Bí thư cấp ủy (chi bộ), người chỉ huy, chính ủy, chính trị viên có trách nhiệm trả lời theo quy định tại Khoản 4, Điều 15.

4. Trường hợp ý kiến, kiến nghị của Hội đồng quân nhân với cá nhân, cơ quan, tổ chức có thẩm quyền không thống nhất thì tổ chức đối thoại để làm rõ.

Điều 17. Hoạt động phản biện xã hội

1. Hoạt động phản biện xã hội của Hội đồng quân nhân là hoạt động tham gia ý kiến đối với dự thảo văn bản của các cơ quan chức năng, nhằm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của quân nhân, công chức, công nhân quốc phòng, viên chức quốc phòng, phát huy dân chủ, tăng cường đồng thuận trong cơ quan, đơn vị.

2. Căn cứ tính chất của nội dung văn bản dự thảo của cơ quan chức năng và người chỉ huy cơ quan, đơn vị, Hội đồng quân nhân phối hợp với ban chấp hành các tổ chức quần chúng cùng cấp tổ chức hội nghị tập thể quân nhân để tham gia ý kiến hoặc gửi dự thảo văn bản đến từng cá nhân để lấy ý kiến; tổng hợp ý kiến tham gia và báo cáo bí thư cấp ủy (chi bộ), người chỉ huy, chính ủy, chính trị viên cơ quan, đơn vị để xem xét, quyết định gửi cơ quan chủ trì soạn thảo văn bản nghiên cứu, tiếp thu.

3. Hội đồng quân nhân có trách nhiệm theo dõi, đôn đốc và thông báo việc tiếp thu, giải trình của cơ quan chủ trì soạn thảo văn bản đối với ý kiến tham gia của tập thể quân nhân.

Chương V CHẾ ĐỘ SINH HOẠT

Điều 18. Đại hội quân nhân

1. Đại hội quân nhân được tổ chức 5 năm hai lần.

a) Nhiệm kỳ của Hội đồng quân nhân được tính từ khi đại hội bầu ra đến kỳ đại hội kế tiếp bầu ra Hội đồng quân nhân mới.

b) Hết nhiệm kỳ, các cơ quan, đơn vị tổ chức đại hội quân nhân để đánh giá kết quả hoạt động của Hội đồng quân nhân trong nhiệm kỳ, đề ra chương trình hoạt động nhiệm kỳ mới; bầu Hội đồng quân nhân khoá mới.

c) Trong trường hợp hết nhiệm kỳ mà chưa có điều kiện tiến hành đại hội thì Hội đồng quân nhân phải báo cáo cấp uỷ, chi bộ kéo dài nhiệm kỳ nhưng không quá 3 tháng.

2. Triệu tập, tổ chức đại hội quân nhân.

a) Hội đồng quân nhân báo cáo bí thư cấp ủy (chi bộ), người chỉ huy, chính ủy, chính trị viên về việc triệu tập, tổ chức đại hội. Đại hội quân nhân phải có ít nhất hai phần ba tổng quân số của cơ quan, đơn vị tham gia.

b) Thành phần tham gia đại hội quân nhân gồm: Quân nhân, công chức quốc phòng, công nhân quốc phòng, viên chức quốc phòng của cơ quan, đơn vị.

c) Danh sách giới thiệu đề bầu Hội đồng quân nhân viết theo vần A, B, C (chữ cái đầu của tên); số lượng phải nhiều hơn số lượng cần bầu từ 10 % đến 35%. Người nào có số phiếu tín nhiệm hợp lệ đạt trên 50% (quá bán) so với tổng quân số được triệu tập thì trúng cử; nếu nhiều người có số phiếu quá bán thì lấy từ người có số phiếu cao nhất trở xuống cho đến khi đủ số lượng cần bầu; trường hợp ở cuối danh sách trúng cử có nhiều người ngang phiếu nhau và nhiều hơn số lượng cần bầu thì bầu lại số người ngang phiếu nhau để lấy người có số phiếu cao hơn, không cần quá bán. Nếu bầu lần thứ nhất chưa đủ số lượng ủy viên Hội đồng quân nhân, việc tiếp tục bầu nữa hay không do đại hội quyết định.

d) Cấp ủy, chi bộ xem xét, ra quyết định chuẩn y kết quả bầu Hội đồng quân nhân.

3. Trình tự các bước trong đại hội.

a) Chào cờ, hát Quốc ca.

b) Tuyên bố lý do, giới thiệu đại biểu.

c) Bầu chủ tịch đại hội: Giới thiệu số lượng và danh sách (từ 01 đến 03 người) đại hội biểu quyết bằng giơ tay.

d) Chủ tịch điều hành bầu thư ký đại hội.

đ) Thông qua chương trình, thời gian đại hội.

e) Trình bày dự thảo Báo cáo đánh giá kết quả phát huy dân chủ và Kiểm điểm của Hội đồng quân nhân trong nhiệm kỳ, phương hướng hoạt động nhiệm kỳ tới; thảo luận, kết luận và biểu quyết thông qua.

g) Bầu cử Hội đồng quân nhân, Chủ tịch và Phó Chủ tịch Hội đồng quân nhân khóa mới.

Quán triệt tiêu chuẩn, nguyên tắc bầu cử; biểu quyết số lượng ủy viên Hội đồng quân nhân và danh sách đề cử, ứng cử Hội đồng quân nhân khóa mới.

Điều hành đại hội bầu tổ kiểm phiếu và tiến hành bầu cử.

h) Bế mạc đại hội, chào cờ, hát Quốc ca.

4. Trang trí đại hội.

Trên cùng là khẩu hiệu “Đảng Cộng sản Việt Nam quang vinh muôn năm”. Bên trái (nhìn từ dưới lên) ghi tên đơn vị; cờ Tổ quốc, dưới cờ Tổ quốc là ảnh hoặc tượng chân dung Chủ tịch Hồ Chí Minh. Bên phải là tiêu đề Đại hội.

Nội dung tiêu đề: ĐẠI HỘI QUÂN NHÂN

Nhiệm kỳ

(Địa danh), ngày tháng năm

Các khẩu hiệu chỉ đạo tư tưởng, hành động, tuyên truyền, cổ động của đại hội quân nhân do cơ quan, đơn vị xác định.

Điều 19. Sinh hoạt Hội đồng quân nhân và tập thể quân nhân

1. Định kỳ Hội đồng quân nhân mỗi tháng họp 1 lần; tập thể quân nhân thực hiện theo Điều lệnh quản lý bộ đội trong Quân đội nhân dân Việt Nam và quy định của chỉ huy đơn vị.

2. Khi có đa số quân nhân, công chức, công nhân quốc phòng, viên chức quốc phòng đề nghị và được bí thư cấp ủy (chi bộ), người chỉ huy, chính ủy, chính trị viên ở cơ quan, đơn vị xét thấy cần thiết thì Hội đồng quân nhân tổ chức sinh hoạt tập thể quân nhân đột xuất. Nội dung sinh hoạt do Hội đồng quân nhân đề xuất hoặc do bí thư cấp ủy (chi bộ), người chỉ huy, chính ủy, chính trị viên quyết định.

3. Trước khi sinh hoạt tập thể quân nhân thực hiện nội dung về dân chủ hoặc đại hội nhiệm kỳ, Hội đồng quân nhân phải họp để chuẩn bị nội dung và phân công tổ chức thực hiện cụ thể cho các ủy viên.

Điều 20. Sinh hoạt đối thoại

1. Cấp cơ sở mỗi tháng 1 lần, cấp trên cơ sở mỗi quý 1 lần, cấp trực thuộc Bộ Quốc phòng 6 tháng 1 lần.

2. Thứ 5 tuần cuối trong tháng, người chỉ huy, chính ủy, chính trị viên chỉ đạo Hội đồng quân nhân chuẩn bị nội dung, thông báo, triệu tập thành phần tham gia sinh hoạt đối thoại giữa bí thư cấp ủy (chi bộ), người chỉ huy, chính ủy, chính trị viên với toàn thể hoặc đại biểu quân nhân, công chức, công nhân quốc phòng, viên chức quốc phòng. Cơ quan chính trị tổng hợp kết quả đối thoại hằng tháng phục vụ cho đối thoại quý, 6 tháng của cơ quan, đơn vị.

3. Trường hợp ý kiến, kiến nghị của Hội đồng quân nhân không thống nhất với giải trình của cá nhân, cơ quan, tổ chức có thẩm quyền hoặc khi cần thiết thì bí thư cấp ủy (chi bộ), người chỉ huy, chính ủy, chính trị viên tổ chức đối thoại đột xuất với Hội đồng quân nhân hoặc tập thể quân nhân để làm rõ.

Chương VI TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 21. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị

1. Bí thư cấp ủy (chi bộ), người chỉ huy, chính ủy, chính trị viên, mọi quân nhân, công chức, công nhân quốc phòng, viên chức quốc phòng trong cơ quan, đơn vị có trách nhiệm tham gia hoạt động và xây dựng Hội đồng quân nhân.

2. Chỉ huy cơ quan, đơn vị thường xuyên tổ chức học tập, quán triệt, phổ biến nâng cao nhận thức trách nhiệm, triển khai thực hiện có hiệu quả, phát huy

quyền dân chủ của tập thể quân nhân trong xây dựng tổ chức đảng trong sạch vững mạnh, xây dựng cơ quan, đơn vị vững mạnh toàn diện.

3. Mọi hành vi vi phạm về tổ chức và hoạt động của Hội đồng quân nhân hoặc lợi dụng dân chủ để vi phạm pháp luật, xâm phạm quyền, lợi ích hợp pháp của quân nhân, công chức, công nhân quốc phòng, viên chức quốc phòng, cản trở việc thực hiện nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị phải được phát hiện, xử lý theo quy định của pháp luật Nhà nước, kỷ luật Quân đội.

Điều 22. Kinh phí hoạt động của Hội đồng quân nhân

1. Đối với đơn vị dự toán: Được tính trong dự toán ngân sách Quốc phòng hằng năm của cơ quan, đơn vị và hạch toán vào Mục 7000, Tiểu mục 7012, Tiết mục 00, Ngành 30: Kinh phí hoạt động chuyên ngành Chính trị.

2. Đối với đơn vị sự nghiệp công lập, tự chủ về tài chính: Được tính trong phương án tự chủ tài chính đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

3. Đối với doanh nghiệp Quân đội: Được tính vào chi phí hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ của doanh nghiệp.

Điều 23. Hiệu lực thi hành

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2019 và thay thế Thông tư số 111/2009/TT-BQP ngày 20 tháng 11 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định về tổ chức và hoạt động của Hội đồng quân nhân trong Quân đội nhân dân Việt Nam.

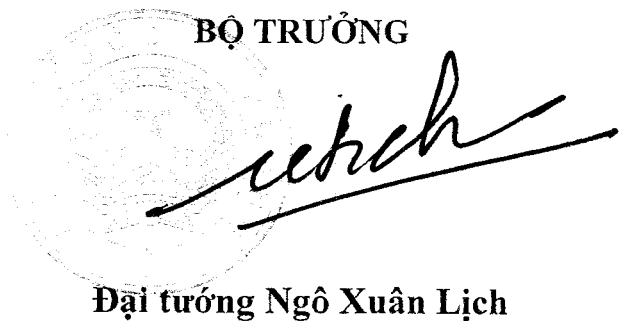
Điều 24. Trách nhiệm thi hành

Tổng Tham mưu trưởng, Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị, chỉ huy các cơ quan, đơn vị chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này. /.

Nơi nhận:

- Đ/c Bộ trưởng BQP;
- Đ/c Chủ nhiệm TCCT;
- Đ/c TTMT - Thứ trưởng BQP;
- Các đ/c Thứ trưởng BQP;
- Các đơn vị trực thuộc QUTW - BQP;
- C11, C12, C14, C41, C55, C56, C64;
- Vụ Pháp chế/BQP;
- Công Thông tin điện tử BQP;
- Lưu: VT, NC; T79.

BỘ TRƯỞNG



Đại tướng Ngô Xuân Lịch